

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ DỊCH VỤ CÔNG THÚY HIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ DỊCH VỤ CÔNG THÚY HIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400868718

**3. Ngày thành lập:** 25/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hân, Xã Hương Gián, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0916735987

Fax:

Email:

Website: [tuvancong@gmail.com](mailto:tuvancong@gmail.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>-Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và quản lý các dự án đầu tư;<br>-Tư vấn thẩm định dự án, thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. | 7020(Chính) |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống camera quan sát, hệ thống báo động chống trộm, hệ thống an ninh.                                                            | 4321        |
| 3.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                      | 3812        |
| 4.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                | 3811        |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                              | 5610        |
| 6.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                          | 5629        |
| 7.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                             | 8129        |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                          | 4711        |
| 9.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4761        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe                                                                                                                     | 8299        |
| 11. | Hoạt động bảo vệ tư nhân                                                                                                                                                                                                      | 8010        |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                            | 4719        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Kinh doanh hàng tạp hóa                                                                                                                                                                        | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8130 |
| 15. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8219 |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4931 |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động kiến trúc<br>- Tư vấn lập quy hoạch xây dựng<br>- Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Thiết kế xây dựng công trình<br>- Thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng<br>- Khảo sát xây dựng<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình.<br>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn lựa chọn nhà thầu<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy, giám sát lắp đặt máy móc và các trang thiết bị. | 7110 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THÚY  | Thôn Hạ, Xã Tân Thịnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                             | 500.000.000           | 50,000    | 121765667                                                                                                                                         |         |
| 2   | CHU THỊ THU HIỀN | Số 170 đường Nguyễn Khuyến, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 121463790                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121765667

Ngày cấp: 01/03/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hạ, Xã Tân Thịnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hân, Xã Hương Gián, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang